

Bản án số: **115/2018/HNGĐ-ST**  
Ngày: 31/10/2018  
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Ngọc Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Ông Đặng Khoa Thi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 385/2018/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Anh N, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Phường P, thành phố X, tỉnh G (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: Phường P, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Nguyên đơn anh Hoàng Anh N trình bày thể hiện nội dung:* Anh và chị Huỳnh Thị Thùy L tự tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 16/3/2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố X, tỉnh G, kết hôn lần thứ nhất. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc trong gia đình, sau đó chị L đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân hơn 03 năm nay không còn liên lạc. Nay, anh N yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thùy L.

+ Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Anh T, sinh ngày 03/8/2011 hiện đang sống cùng với chị L. Sau khi ly hôn thì anh không tranh chấp việc nuôi con mà để con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc nuôi con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Phần trình bày của bị đơn chị Huỳnh Thị Thùy L:* Vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị Huỳnh Thị Thùy L vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa anh Hoàng Anh N với chị Huỳnh Thị Thùy L, về quan hệ con chung do con chung anh N đồng ý để cho chị L được chăm sóc, nuôi dưỡng nên ổn định cho chị L tiếp tục nuôi con chung, về chi phí cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không xem xét đến, tài sản chung và về nợ chung do nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bị đơn vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Huỳnh Thị Thùy L mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị Huỳnh Thị Thùy L vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Anh Hoàng Anh N khởi kiện xin ly hôn với chị Huỳnh Thị Thùy L đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Nhận thấy, anh Hoàng Anh N và chị Huỳnh Thị Thùy L do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2011. Hôn nhân giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố X, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, cấp ngày 16/3/2011. Trong quá trình chung sống theo trình bày của anh N cho rằng giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc trong gia đình. Sau đó năm 2014, chị L đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn liên lạc, tại phiên tòa anh N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù chị L được tổng đạt các văn bản nhưng chị L không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc anh N xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện anh N không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với chị L, còn chị L không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa anh N với chị L không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2015 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân

gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Anh N với chị Huỳnh Thị Thùy L.

[3] *Về con chung*: Nguyên đơn anh Hoàng Anh N trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa anh Hoàng Anh N và chị Huỳnh Thị Thùy L chung sống với nhau có 01 con chung tên Hoàng Anh T, sinh ngày 03/8/2011 hiện đang sống cùng với chị L. Sau khi ly hôn anh N thống nhất để con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Hoàng Anh T chưa thành niên nhưng cháu T trên 7 tuổi cần có ý kiến thể hiện nguyện vọng cháu mong muốn sống cùng với cha hay mẹ. Tuy nhiên, con chung đang do chị L đang nuôi dưỡng và dẫn cháu T cùng đi nên anh N không xác định được địa chỉ của chị L ngoài địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà cha mẹ ruột của chị L. Vì vậy, anh N xác định không tranh chấp việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ ổn định cho cháu T tiếp tục chung sống cùng với chị L là phù hợp theo quy định. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, tuy nhiên các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh N trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chị L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Hoàng Anh N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; khoản 1 Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Anh N đối với chị Huỳnh Thị Thùy L

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Hoàng Anh N với chị Huỳnh Thị Thùy L.

**2. Về nuôi con chung:** Anh Hoàng Anh N với chị Huỳnh Thị Thùy L có 01 con chung tên Hoàng Anh T, sinh ngày 03/8/2011 hiện đang sống cùng với chị L. Sau khi ly hôn anh N không tranh chấp việc nuôi con mà để con chung cho chị L nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận đối với yêu cầu của anh N về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 03/8/2011 cho chị Huỳnh Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

2.3. Chị L phải tạo điều kiện cho anh N trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí sơ thẩm:**

4.1. Anh Hoàng Anh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008307 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 28/5/2018. Anh N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Chị Huỳnh Thị Thùy L không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Anh Hoàng Anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, chị Huỳnh Thị Thùy L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPX;
- TAND tỉnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

**Trịnh Ngọc Thúy**

